TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số:112/2023/HNGĐ-ST Ngày 17-07-2023 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Tống Thị Điệp

2. Bà Trần Thị Liên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17/07/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H;sinh năm:1991(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Trần Văn T; sinh năm: 1980(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Hẻm 162 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Tôi và ông Trần Văn T tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định vào ngày 14/03/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên nhân mâu thuẫn 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể hàn gắn. Ông Trần Văn T có máu cờ bạc đỏ đen, nhiều năm nay đã đi đánh bạc thua rất nhiều tiền, tôi phải đi vay nợ trả tiền cờ

bạc cho ông T, tôi đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả ông T còn về nhà coi thường vợ con, tiếp tục đi đánh bạc không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng tôi sống cùng nhà nhưng mạnh ai người đó sống từ lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi yêu cầu Tòa án xin ly hôn với ông Trần Văn T.

-Về con chung: Tôi và ông Trần Văn T có 02 con chung là: Cháu Trần Thị Kim N; sinh ngày: 13/01/2012 và cháu Trần Thị Thanh N- sinh ngày 27/8/215;

Khi ly hôn tôi đồng ý giao con chung là cháu Trần Thị Kim N; sinh ngày: 13/01/2012 cho ông Trần Văn T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh N- sinh ngày 27/8/215 đến tuổi thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông Trần Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Trần Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Trần Văn T: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đinh Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đinh Thị H và bị đơn ông Trần Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

[1]. Bà Đinh Thị H và ông Trần Văn T hiện nay sinh sống tại Hẻm 162 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Trần Văn T không lên Tòa án làm việc không có lý do, không có ý kiến trình bày tiếp theo về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 27 tháng 6 năm 2023. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa bà Đinh Thị H và ông Trần Văn T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau nên sinh nghi ngờ dẫn đến cãi vã, hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, tiếp tục mâu thuẫn, từ lâu cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Như vậy, giữa bà Đinh Thị H và ông Trần Văn T không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà Đinh Thị H và ông Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Đinh Thị H và ông Trần Văn T có 02 con chung là: Cháu Trần Thị Kim N; sinh ngày: 13/01/2012 và cháu Trần Thị Thanh N- sinh ngày 27/8/215.

Xét nguyện vọng của bà H là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Thị Thanh N- sinh ngày 27/8/215 đến khi trưởng thành và đồng ý giao cháu Trần Thị Kim N; sinh ngày: 13/01/2012 cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên vì điều kiện thời gian và thu nhập có hạn không đủ điều kiện một lúc nuôi 02 cháu. Xét nguyện vọng của cháu Trần Thị Kim N là được ở với ông T và nguyện vong chính đáng của bà H, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nên cần giao cháu Trần Thị Thanh N- sinh ngày 27/8/215 cho bà Đinh Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi) và giao cháu Trần Thị Kim N; sinh ngày: 13/01/2012 cho ông Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đinh Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

[6]. Về án phí bà Đinh Thị H là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đinh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Thị H được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh N- sinh ngày: 27/8/215 cho bà Đinh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi) và giao cháu Trần Thị Kim N; sinh ngày: 13/01/2012 cho ông Trần Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành(18 tuổi).

Bà Đinh Thị H và ông Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0001394 ngày 03/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.Ông Trần Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Yên Phương
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ